

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 193/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 8 - 2024
V/v “Tranh chấp về hôn nhân
và gia đình - ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn Hân Em.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Hòa.
- Ông Lê Minh Thắng.

- **Thư ký phiên tòa:** bà Đặng Huỳnh Hoa Lý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Lam Em - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2024/TLST-HNGĐ ngày 29/5/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 144/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09/8/2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: **ấp T, xã A, huyện U, tỉnh Kiên Giang.**

2. **Bị đơn:** ông **Trần Thanh S**, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: **ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 07/5/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị A trình bày: sau thời gian tìm hiểu, bà Nguyễn Thị A (sau đây gọi là bà A) với ông **Trần Thanh S** (sau đây gọi là ông **S**) tiến đến hôn nhân vào năm 2005, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) **xã V, huyện T, tỉnh An Giang** vào ngày 12/4/2008. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được 02 con chung tên **Trần Ngọc Như T**, sinh ngày 07/3/2008 và Trần Ngọc Như Ý, sinh ngày 07/4/2010. Tuy nhiên, đến năm 2011 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do ông **S**

không chung thủy với bà A, có mối quan hệ với người phụ nữ khác, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Mặc dù được gia đình hai bên hòa giải nhưng ông S vẫn không khắc phục, từ đó không còn tình cảm vợ chồng và sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên bà Nguyễn Thị A yêu cầu được ly hôn với ông S; về con chung, bà A yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T và cháu Ý; không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không có.

Bị đơn ông Trần Thanh S đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm hiện tại, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như: xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 và Điều 71; bị đơn đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên vi phạm Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: qua xem xét toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên: chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị A.

+ Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị A được ly hôn với ông Trần Thanh S.

+ Về con chung: giao con chung Trần Ngọc Như T, sinh ngày 07/3/2008 và Trần Ngọc Như Ý, sinh ngày 07/4/2010 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng; ông S không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: bà A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: theo đơn khởi kiện, bà Nguyễn Thị A yêu cầu ly hôn với ông Trần Thanh S và yêu cầu giải quyết việc nuôi con. Vì vậy, quan hệ tranh chấp của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi

con”, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông **Trần Thanh S** có nơi cư trú tại **xã V, huyện T, tỉnh An Giang** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập họp lệ bị đơn ông **S** đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, các lần triệu tập ông **S** đều vắng mặt, không lý do. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông **S** theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: bà A và ông **S** tiến đến hôn nhân từ năm 2005, có đăng ký kết hôn nên được **UBND xã V, huyện T, tỉnh An Giang** cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 36, ngày 12/4/2008. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của bà A và ông **S** phù hợp với quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của bà A thấy rằng, bà A và ông **Son s** hạnh phúc thời gian đầu nhưng đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống và đã ly thân, bỏ mặc nhau cho đến nay.

[3.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần tổng đạt hợp lệ cho ông **S** thông báo hòa giải, nhằm tạo điều kiện cho ông **S** và bà A hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông **S** đều vắng mặt, không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án. Tại phiên tòa, bà A xác định không còn tình cảm vợ chồng nên giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông **S**.

[4] Từ những nhận định tại mục [3], xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà A và ông **S** mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A.

[5] Về quan hệ con chung: bà A và ông **S** có 02 con chung tên **Trần Ngọc Như T**, sinh ngày 07/3/2008 và Trần Ngọc Như Ý, sinh ngày 07/4/2010. Bà A yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung; không yêu cầu ông **S** cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi cần xem xét quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên. Cháu **T** và cháu Ý đang chung sống với bà A; đồng thời tại biên bản ghi nguyện vọng ngày 08/7/2024 thì cả 02 cháu đều muốn sống chung với bà A. Do vậy, để không xáo trộn cuộc sống và tạo điều kiện cho sự phát triển thể chất, tinh thần của cháu **T** và cháu Ý, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà A; giao cháu **T** và cháu Ý cho bà A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà A không yêu cầu ông **S** cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bà A cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông **S** trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà A yêu cầu ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 8, 9, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A.

1.1. Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị A được ly hôn với ông **Trần Thanh S.**

1.2. Về con chung: bà Nguyễn Thị A và ông **Trần Thanh S** có 02 con chung tên **Trần Ngọc Như T**, sinh ngày 07/3/2008 và Trần Ngọc Như Ý, sinh ngày 07/4/2010.

Giao cháu **Trần Ngọc Như T** và Trần Ngọc Như Ý cho bà Nguyễn Thị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (cháu **T** và cháu Ý đang sống chung với bà A). Ông **S** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà A cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông **S** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, của cơ quan có thẩm quyền thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

1.3. Về tài sản chung: không có.

1.4. Về nợ chung: ghi nhận bà A xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì bà Nguyễn Thị A và ông **Trần Thanh S** vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0013916 ngày 29/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang (bà A đã nộp đủ).

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Vĩnh Trạch, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang (để biết);
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

Trần Văn Hân Em